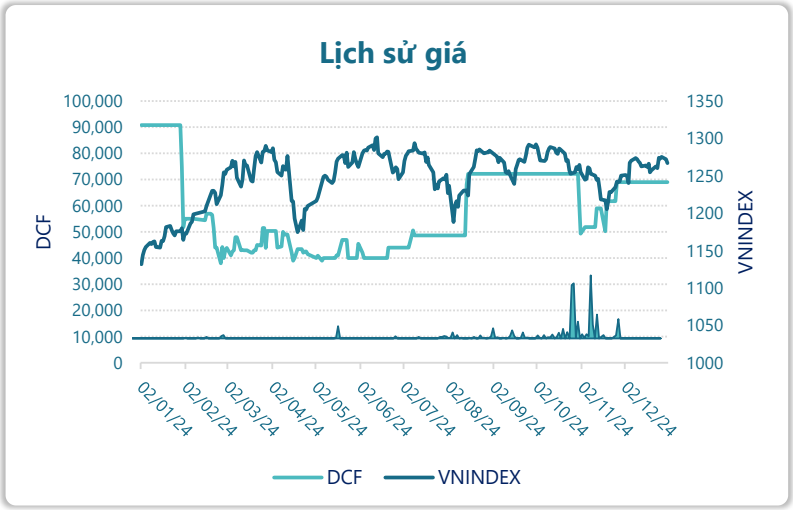
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**69,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	90,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,070
P/E	52.6
EPS	1,313

DT thuần

Q4/24

377

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0| 12.2%

YoY: ▲ 109| 40.7%

LN sau thuế

Q4/24

11.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.78| 52.3%

YoY: ▼7.80| -41.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.4%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

2024

1,326

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 715| 117%

LN sau thuế

2024

39.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.8| 272%

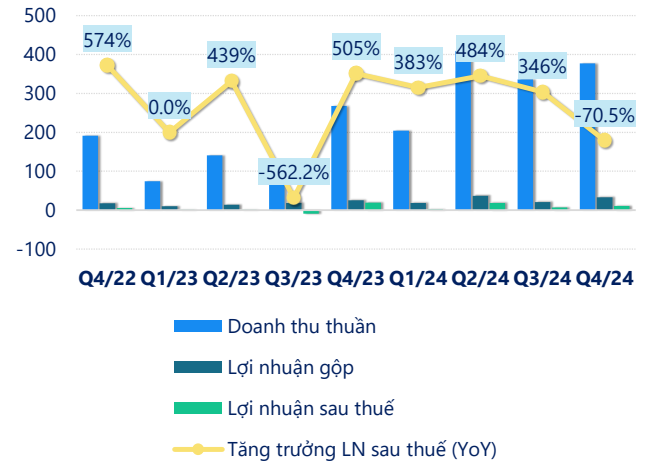
ROE

2024

8.5%

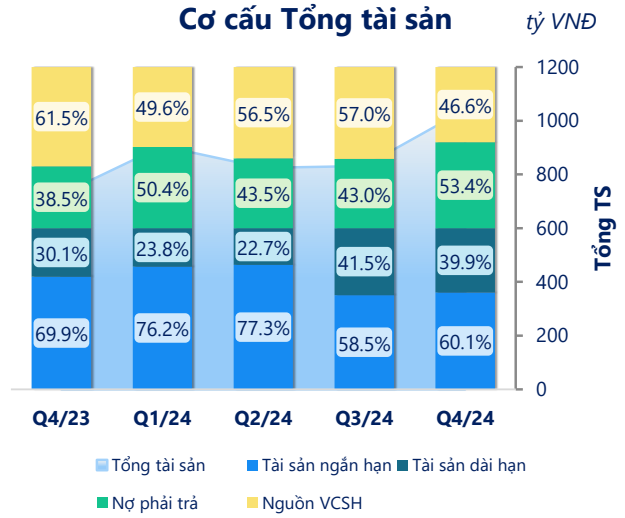
+/- YoY: ▲ 5.6%

Kết quả kinh doanh



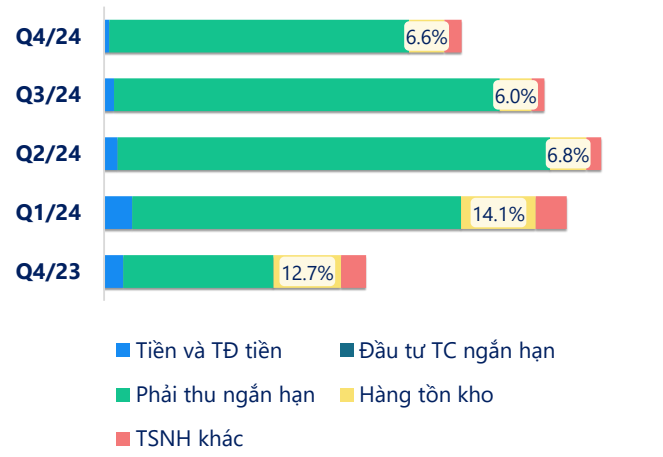
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



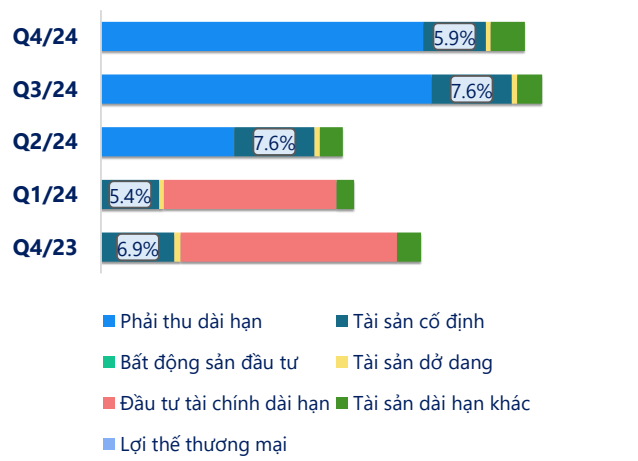
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



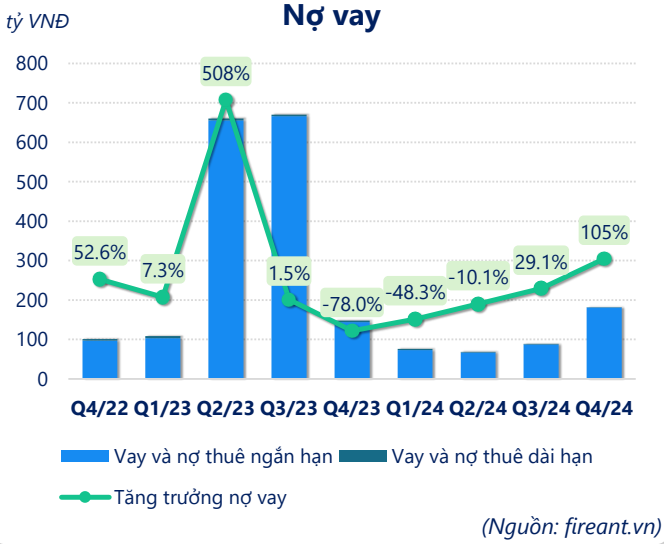
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



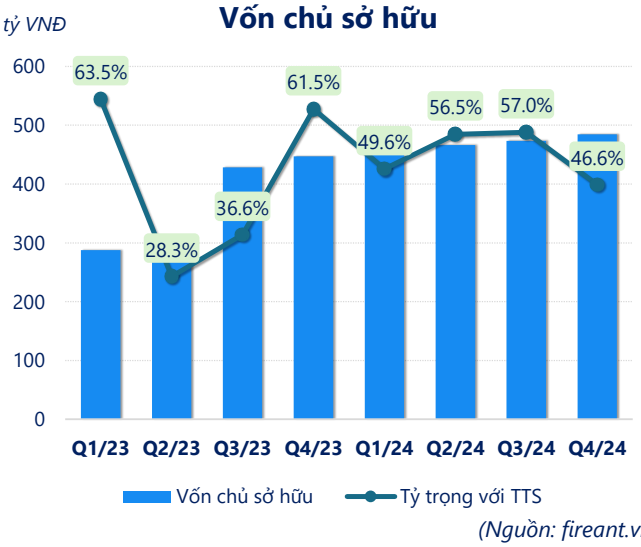
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



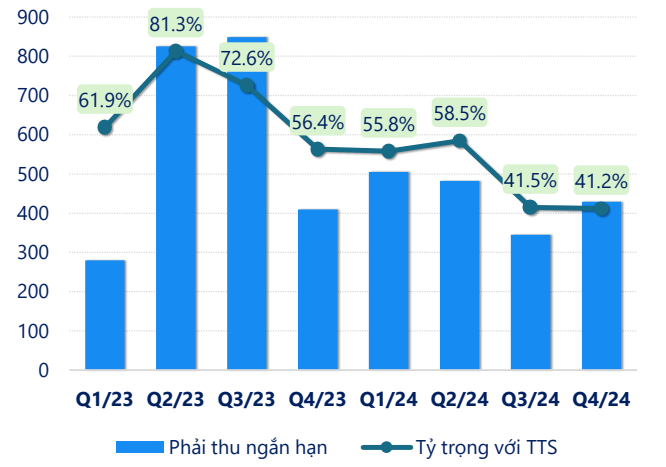
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



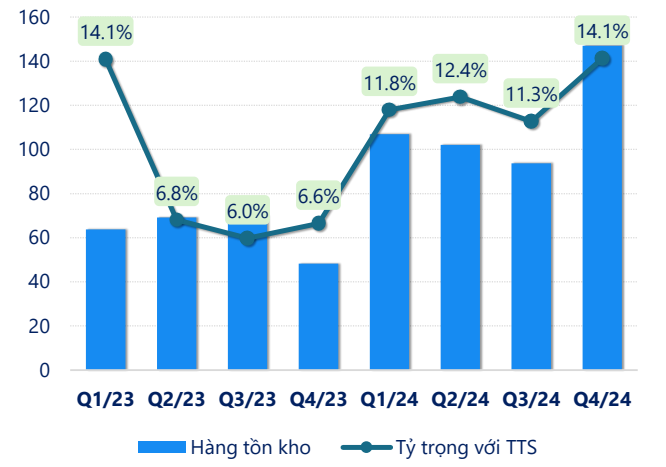
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



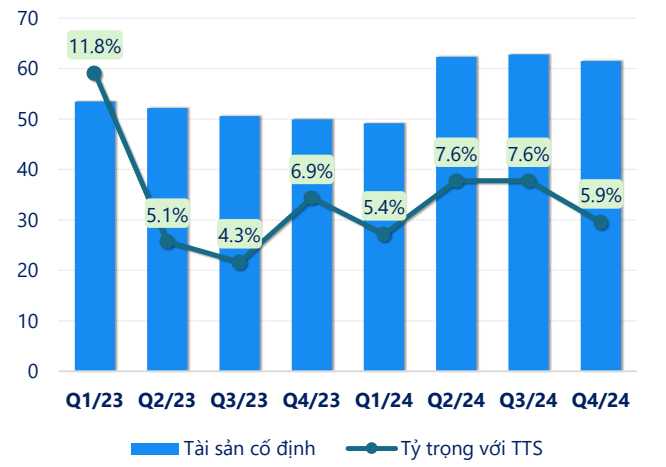
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



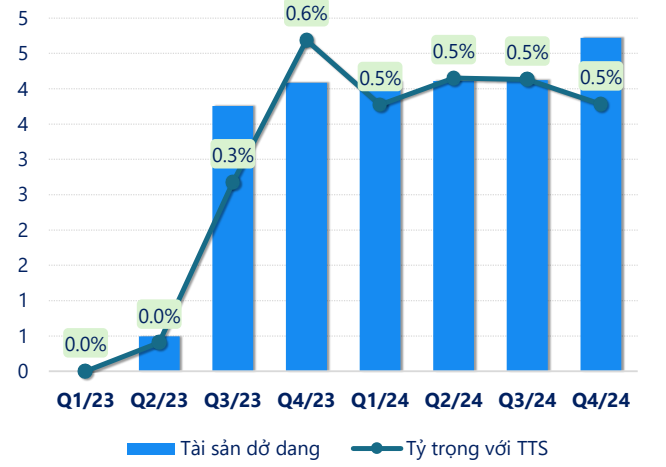
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



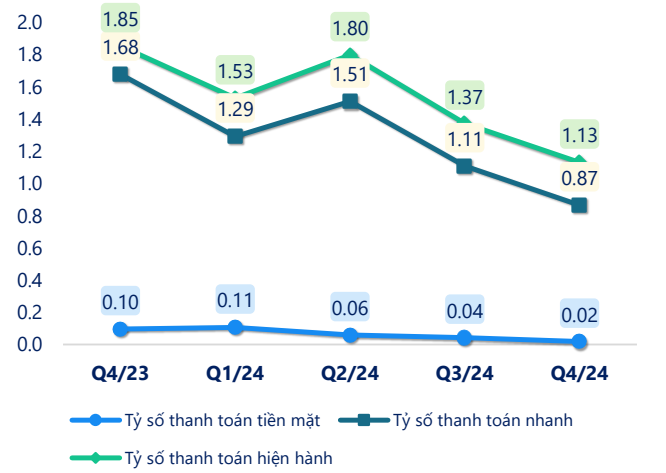
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**726**	**906**	**825**	**831**	**1,041**
Tài sản ngắn hạn	**508**	**690**	**637**	**486**	**626**
Tiền và tương đương tiền	26.4	47.8	20.9	15.3	10.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	409	505	482	345	429
Hàng tồn kho	48.2	107	102	93.7	147
Tài sản ngắn hạn khác	23.7	30.0	31.8	32.7	39.9
Tài sản dài hạn	**219**	**216**	**187**	**345**	**415**
Phải thu dài hạn	0.26	0.26	103	258	315
Tài sản cố định	49.9	49.2	62.3	62.8	61.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.09	4.10	4.11	4.12	4.72
Đầu tư tài chính dài hạn	148	147	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	16.4	15.1	17.7	19.6	33.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**279**	**456**	**358**	**358**	**556**
Nợ ngắn hạn	**274**	**451**	**354**	**354**	**554**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	73.5	66.8	87.3	181
Phải trả người bán ngắn hạn	68.3	67.8	109	160	250
Nợ dài hạn	5.52	4.95	3.92	3.35	2.78
Vay và nợ thuê dài hạn	3.52	2.95	1.92	1.35	0.78
Nguồn vốn chủ sở hữu	**447**	**450**	**466**	**474**	**485**
Vốn chủ sở hữu	**447**	**450**	**466**	**474**	**485**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)